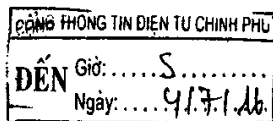


THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 1230 /QĐ - TTg

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2016



QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Bằng Tổ quốc ghi công

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 26/2005/PL-UBTVQH ngày 29 tháng 6 năm 2005 và Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng được sửa đổi, bổ sung của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 04/2012/UBTVQH ngày 16 tháng 7 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 47/TTr-LĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” cho 71 liệt sĩ thuộc Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Ngoại giao, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Quốc phòng và 11 tỉnh, thành phố: Bắc Giang, Bắc Ninh, Đắk Nông, Hà Nội, Hưng Yên, Lâm Đồng, Nam Định, Ninh Bình, Nghệ An, Phú Thọ, Phú Yên (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Bộ LĐ -Thương binh và Xã hội;
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Khắc Định, TGD Công TTĐT;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b), Hùng 4 b.



Trương Hòa Bình



DANH SÁCH
LIỆT SĨ ĐƠN VỊ CÁN BỘ BẢNG "TỔ QUỐC GHI CÔNG"
(Kèm theo Quyết định số 1230/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

BỘ CÔNG AN

1. Liệt sĩ: Vũ Văn Nam

Thiếu úy Công an nhân dân, nguyên quán: xã Như Hòa, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 03 tháng 10 năm 2015.

2. Liệt sĩ: Nguyễn Tiến Hùng

Chiến sĩ Công an nhân dân, nguyên quán: xã Tây Phong, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 12 năm 1966.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

3. Liệt sĩ: Nguyễn Minh Khương

Thanh niên xung phong, nguyên quán: xã Vĩnh Niệm, huyện An Hải, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1967.

BỘ NGOẠI GIAO

4. Liệt sĩ: Võ Hoằng (Võ Từ Hoằng)

Bộ Đội tình nguyện Việt Nam tại Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào, nguyên quán: làng An Xá, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 8 năm 1947.

5. Liệt sĩ: Phan Văn Quang

Cán bộ Tổng hội Việt kiều cứu quốc tại Thái Lan, nguyên quán: làng Ốc Nhiêu, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1966.

6. Liệt sĩ: Trần Thị Sao

Cán bộ Tổng hội Việt kiều cứu quốc tại Thái Lan, nguyên quán: làng Thanh Cầm, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 01 năm 1967.

7. Liệt sĩ: Cao Văn Chệc

Bộ đội tình nguyện Việt Nam tại Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào, nguyên quán: làng Lệ Sơn, huyện Văn Hóa, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1952.

8. Liệt sĩ: Lê Thị Chín

Cán bộ tài chính hoạt động bí mật, nguyên quán: xã Đa Phước, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 17 tháng 9 năm 1976.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

9. Liệt sĩ: Nguyễn Thành Quân

Đội trưởng Lâm trường quốc doanh Hương Sơn, nguyên quán: xã Hưng Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1973.

BỘ QUỐC PHÒNG

10. Liệt sĩ: Nguyễn Thế Miêu

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Chí Hòa, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1968.

11. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Trung

Công nhân quốc phòng, nguyên quán: xã Vĩnh Chấp, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 5 năm 1948.

12. Liệt sĩ: Nguyễn Duy Bộ

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 7 năm 1952.

13. Liệt sĩ: Hoàng Văn Toàn

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Quỳnh Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 5 năm 1951.

14. Liệt sĩ: Vũ Đình Hương

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: phường Bắc Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1954.

15. Liệt sĩ: Nguyễn Thế Hùng

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: 116 Hàng Mâm, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1952.

16. Liệt sĩ: Ngô Lương

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hưng Khánh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 3 năm 1954.

17. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Phụng

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bồi Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 20 tháng 4 năm 1984.

18. Liệt sĩ: Lê Văn Học (Lê Trung Dũng)

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 11 năm 1968.

19. Liệt sĩ: Bùi Văn Đạt

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1971.

20. Liệt sĩ: Trần Đình Bé

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Sơn Thịnh, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 9 năm 1945.

21. Liệt sĩ: Ngô Trí Lan

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Cửa Hậu, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 6 năm 1954.

22. Liệt sĩ: Hồ Sỹ Đoan

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Quỳnh Lập, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 2 năm 1961.

23. Liệt sĩ: Phạm Văn Huy

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Nghi Hương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 6 năm 1973.

24. Liệt sĩ: Phạm Quý Túc

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1959.

25. Liệt sĩ: Đinh La

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đắk Jơ Ta, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1972.

26. Liệt sĩ: Lê Âm

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phước Lộc, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1966.

27. Liệt sĩ: Phan Văn Huệ

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tiên Ngọc, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1971.

28. Liệt sĩ: A Rát Liêng

Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã A Vương, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1972.

29. Liệt sĩ: Đoàn Hữu Phú

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 02 năm 1967.

30. Liệt sĩ: Huỳnh Biên

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1967.

31. Liệt sĩ: Nguyễn Ánh Hồng

Trung tá Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hải Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 31 tháng 10 năm 2015.

32. Liệt sĩ: Nguyễn Kim Ngọc

Đại úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tiêu Sơn, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 10 tháng 6 năm 2015.

33. Liệt sĩ: Trần Quyết Tiến

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Nghĩa Lạc, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 12 tháng 10 năm 2015.

34. Liệt sĩ: Đặng Xuân Nguyên

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Giao Hoàn, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 07 tháng 3 năm 1979.

35. Liệt sĩ: Nguyễn Bá Thành

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Thọ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 28 tháng 8 năm 2015.

TỈNH BẮC GIANG

36. Liệt sĩ: Trần Ngọc Loan

Thương binh $\frac{1}{4}$ (81%), nguyên quán: xã Phương Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 15 tháng 10 năm 2013.

37. Liệt sĩ: Vũ Minh Hoa*

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Quang Minh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1972.

38. Liệt sĩ: Ngô Xuân Thắng*

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Liên Chung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1970.

TỈNH BẮC NINH

39. Liệt sĩ: Nguyễn Tiến Triển

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Song Liễu, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 31 tháng 12 năm 2015.

40. Liệt sĩ: Phạm Thành

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Phú Lương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 04 tháng 3 năm 2015.

TỈNH ĐẮK NÔNG

41. Liệt sĩ: Đỗ Ngọc Tài

Cán bộ K8, nguyên quán: xã Mỹ Lợi, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 5 năm 1970.

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

42. Liệt sĩ: Trần Văn Quang (Trần Văn Quảng)

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Văn Nhân, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 5 năm 1952.

43. Liệt sĩ: Dương Văn Quang

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 91%), nguyên quán: xã Liên Hà, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 10 tháng 02 năm 2015.

44. Liệt sĩ: Nguyễn Đình Xuất

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 91%), nguyên quán: thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 22 tháng 5 năm 2015.

45. Liệt sĩ: Lê Văn Đôn

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 82%), nguyên quán: xã Đội Bình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 25 tháng 8 năm 2015.

46. Liệt sĩ: Ngô Văn Đà

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 86%), nguyên quán: xã Đông Tân, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 30 tháng 11 năm 2014.

47. Liệt sĩ: Khuất Văn Ngoạn

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Lại Thượng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 03 tháng 01 năm 2016.

48. Liệt sĩ: Hồ Ngọc Hải

Công dân, nguyên quán: xã Xuân An, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 28 tháng 5 năm 2015.

TỈNH HƯNG YÊN

49. Liệt sĩ: Trịnh Minh

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 97%), nguyên quán: xã Lý Thường Kiệt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 10 tháng 5 năm 2014.

50. Liệt sĩ: Nguyễn Kim Minh

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 83%), nguyên quán: xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 09 tháng 12 năm 2014.

TỈNH LÂM ĐỒNG

51. Liệt sĩ: K'Par

Cơ sở đặc tình công an huyện, nguyên quán: xã Đạ K'Nàng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 10 tháng 8 năm 1979.

TỈNH NAM ĐỊNH

52. Liệt sĩ: Nguyễn Xuân Phú

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Việt Hùng, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 20 tháng 5 năm 2015.

53. Liệt sĩ: Nguyễn Xuân Khương

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Vũ Bản, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 22 tháng 5 năm 2015.

54. Liệt sĩ: Trần Đình Bộ

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Mỹ Phúc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 10 tháng 4 năm 2014.

TỈNH NINH BÌNH

55. Liệt sĩ: Nguyễn Mai Dân

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Vĩnh Thành, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 05 tháng 02 năm 2015.

56. Liệt sĩ: Bùi Nguyên Sử

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 15 tháng 9 năm 2015.

57. Liệt sĩ: Trần Văn Cước

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Thượng Hòa, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 20 tháng 5 năm 2015.

58. Liệt sĩ: Trần Tuy

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Yên Thành, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 10 năm 1949.

TỈNH NGHỆ AN

59. Liệt sĩ: Bành Trọng Hợi

Chi ủy viên xã, nguyên quán: xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, năm 1940.

60. Liệt sĩ: Nguyễn Thế Đại

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 100%), nguyên quán: xã Nghi Lâm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 02 tháng 10 năm 2013.

61. Liệt sĩ: Trần Ngọc Quỳnh

Thương binh $\frac{2}{4}$ (tỷ lệ 62%), nguyên quán: xã Thuận Thành, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 23 tháng 10 năm 2015.

62. Liệt sĩ: Phan Thanh Thi

Thương binh $\frac{2}{4}$ (tỷ lệ 61%), nguyên quán: xã Thanh Hưng, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 27 tháng 7 năm 2001.

63. Liệt sĩ: Hoàng Văn Cư

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Diễn Mỹ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 19 tháng 5 năm 2015.

64. Liệt sĩ: Nguyễn Chí Năm

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Sơn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 13 tháng 10 năm 2011.

65. Liệt sĩ: Nguyễn Xuân Liên

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 85%), nguyên quán: xã Bảo Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 02 tháng 5 năm 2012.

TỈNH PHÚ THỌ

66. Liệt sĩ: Ngô Công Hoan

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: thị trấn Lâm Thao, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 15 tháng 12 năm 2015.

67. Liệt sĩ: Đỗ Văn Bình

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Chu Hóa, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 14 tháng 7 năm 2015.

68. Liệt sĩ: Dương Hữu Bàn

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 82%), nguyên quán: xã Hà Lộc, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 23 tháng 02 năm 2014.

69. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Khóa*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Sông Lô, huyện Hạc Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 8 năm 1952.

70. Liệt sĩ: Đào Văn Thùng*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Dân Chủ, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 01 năm 1956.

TỈNH PHÚ YÊN

71. Liệt sĩ: Nguyễn Đón

Cơ sở cách mạng, nguyên quán: xã Hòa Mỹ Đông, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1964./.

Ghi chú:

** Liệt sĩ có thân nhân đã được giải quyết chế độ trước ngày 01/01/1995. Tổng số: 04/71 trường hợp.*